

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu ngân hàng tuy nhiên có sự phân hóa giữa các ngành với thanh khoản đi ngang

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm trước sự tăng giá tích cực của nhóm ngân hàng trong VN30

## [Thông tin doanh nghiệp]

VCS, FPT

## [Cập nhật công ty]

MSN

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ kê lệnh mua giá thấp khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ sâu

15/12/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,055.32	+0.47
VN30	1,068.08	+1.13
HĐTL VN30F1M	1,065.10	+0.52
HNXIndex	212.95	-0.12
HNX30	361.74	-0.20
UPCoM	72.59	+0.67
USD/VND	23,524	-0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.89	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.75	-50
Dầu (WTI, \$)	76.52	-0.98
Vàng (LME, \$)	1,778.86	-1.57



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,055.32 (+0.47%)  
**KLGD (triệu CP)** 665.8 (+5.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 524.4 (-10.1%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu ngân hàng tuy nhiên có sự phân hóa giữa các ngành với thanh khoản đi ngang. Khối ngoại tiếp tục mua ròng, tập trung ở VND (+1.9%), DXG (+6.7%), HPG (+0.8%).

**HNXIndex** 212.95 (-0.12%)  
**KLGD (triệu CP)** 71.5 (-23.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 44.8 (-8.6%)

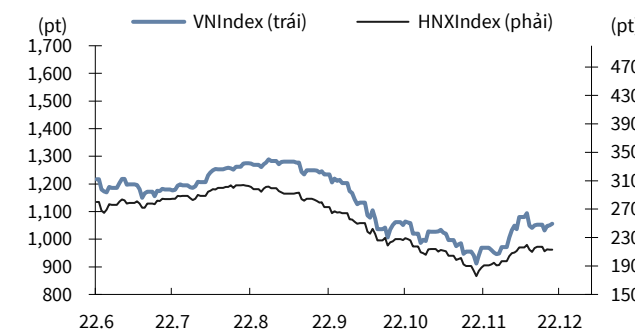
Theo số liệu thống kê sơ bộ được Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu sắt thép của Việt Nam các loại tăng 157 triệu USD (tương ứng tăng 100%). Cổ phiếu thép tăng giá ở HPG (+0.8%), NKG (+1.54%)

**UPCoM** 72.59 (+0.67%)  
**KLGD (triệu CP)** 35.3 (+0.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 14.1 (-15.8%)

Giá dầu tăng sau khi OPEC và IEA dự báo nhu cầu năm tới sẽ phục hồi. Cổ phiếu Dầu khí tăng giá ở PVC (+2.27%), BSR (+1.36%)

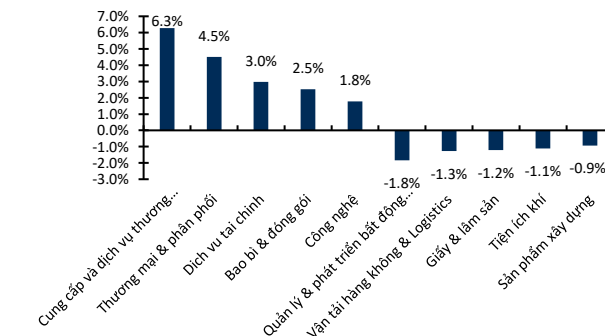
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +12.9

VNIndex & HNXIndex



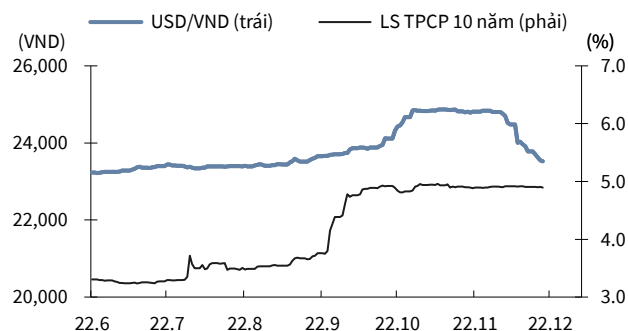
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



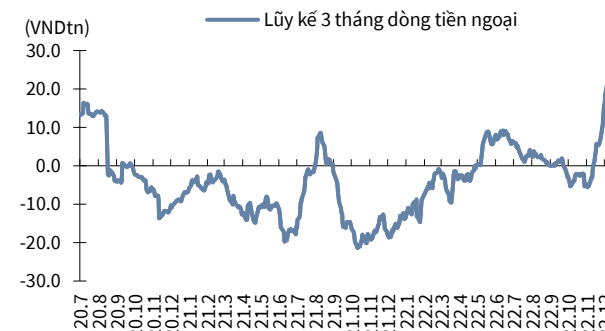
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

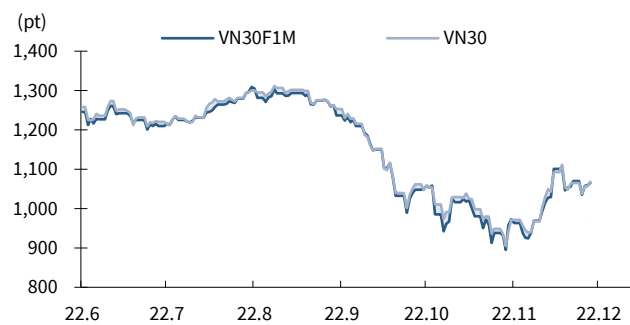
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,068.08 (+1.13%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,065.1 (+0.52%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,059.4</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,079.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,056.6</b>

Các HĐTL tăng điểm trước sự tăng giá tích cực của nhóm ngân hàng trong VN30. Chênh lệch F2212 và chỉ số VN30 biến động giằng co liên tục trong phiên đảo hạn trong khoảng -4.32 và 5.11 điểm và đóng cửa ở mức -2.98 điểm. Khối lượng giao dịch giảm trong phiên hôm nay.

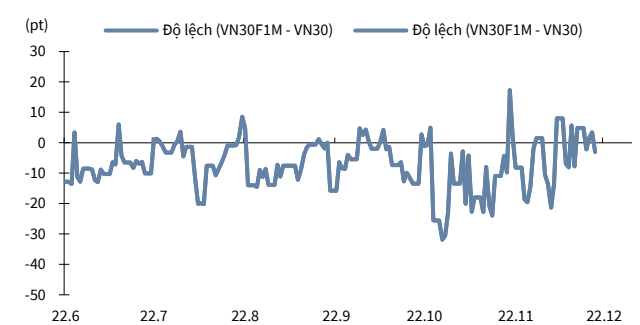
**KLGD (HĐ)**      **326,888 (-18.3%)**

**HĐTL VN30F1M & VN30**



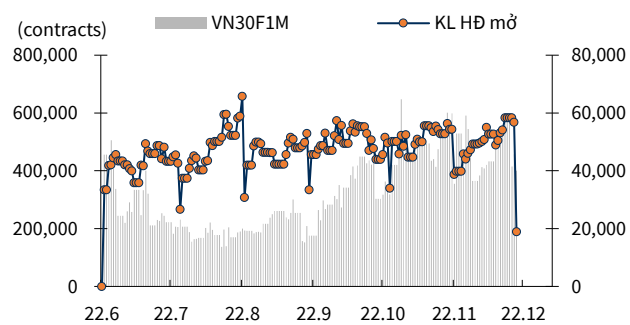
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



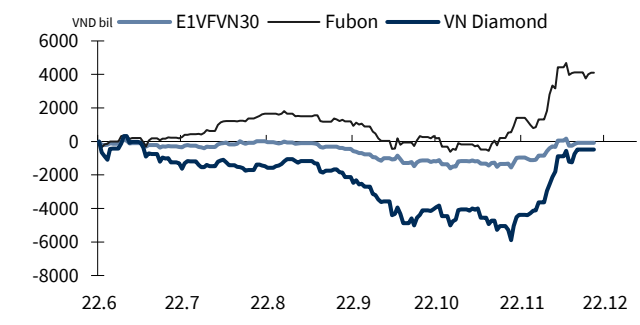
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

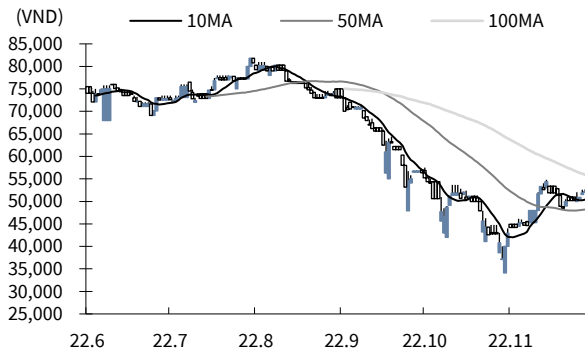
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Vicostone (VCS)

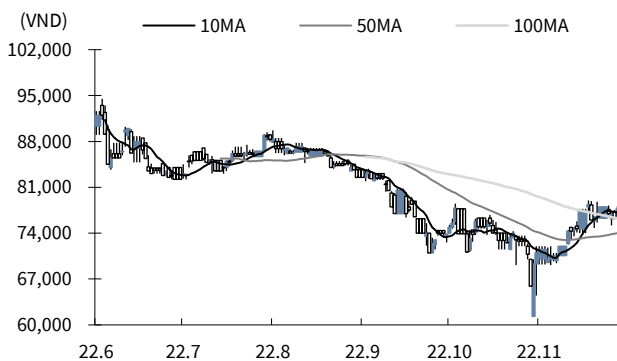


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCS tăng 0.6% lên 52,200 VND/cp

- Vicostone dự kiến mua lại 4.8 triệu cổ phiếu để giảm vốn điều lệ theo phương thức giao dịch là khớp lệnh hoặc giao dịch thỏa thuận. Thời gian dự kiến thực hiện là trong quý I/2023. Nguồn vốn thực hiện từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc quỹ khác và được ủy quyền cho HĐQT công ty quyết định.

## Tập đoàn FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 1.8% lên 77,700 VND/cp

- Tập đoàn FPT công bố kết quả kinh doanh 11 tháng đầu năm 2022 với lợi nhuận trước thuế 7,168 tỷ đồng, tăng 22.5% YoY và doanh thu đạt 39,249 tỷ đồng (+23,4% YoY). Trong đó, khối công nghệ giữ vai trò chủ chốt, đóng góp 57% doanh thu và 46% lợi nhuận trước thuế của tập đoàn và khối viễn thông ghi nhận 13,372 tỷ đồng doanh thu, lãi trước thuế 2,578 tỷ, lần lượt tăng hơn 16% và 17% so với cùng kỳ.

15/12/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh  
 linhpp@kbsec.com.vn

**KQKD 9T2022 tăng nhẹ so với năm trước nếu điều chỉnh loại bỏ mảng thức ăn chăn nuôi**

Lũy kế 9T2022, doanh thu thuần hợp nhất của MSN đạt 55,546 tỷ đồng - giảm 14.3% so với mức nền cao của cùng kỳ năm ngoái khi không còn hợp nhất mảng thức ăn chăn nuôi của MML. Trên cơ sở so sánh tương đương, DTT của Masan tăng nhẹ 4.8% YoY, chủ yếu được dẫn dắt bởi tăng trưởng của MHT (+21.3% YoY) và MCH (+5.5% YoY).

**Điều chỉnh kỳ vọng với MCH do bối cảnh vĩ mô không thuận lợi làm giảm nhu cầu chi tiêu**

Chúng tôi nhận thấy thu nhập và chi tiêu của người tiêu dùng đang chịu ảnh hưởng áp lực lạm phát. Mức tiêu thụ chững lại sẽ ảnh hưởng đến KQKD năm 2023 nên chúng tôi điều chỉnh hạ dự phóng doanh thu giai đoạn 2022-2023 của MCH giảm 5% so với dự phóng trước đó.

**Mô hình WINLife mới ra mắt có tín hiệu tích cực khi đang trong giai đoạn thí điểm**

Trong quý 3/2022, WCM đã tiến hành chuyển đổi 30 cửa hàng Winmart+ thành các cửa hàng WIN tích hợp phục vụ các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu. Dù trong giai đoạn thí điểm nhưng mô hình này cho thấy tín hiệu tích cực khi doanh thu/m<sup>2</sup> tăng 20% so với trước khi chuyển đổi, biên EBIT ở cấp độ cửa hàng đạt 5.1% - tăng 60 điểm cơ bản so với trước đây.

**Khuyến nghị MUA, với giá mục tiêu 118,100 VNĐ/cp**

Trong năm 2022, chúng tôi dự phóng doanh thu thuần MSN đạt 76,636 tỷ đồng (-13.5% YoY) và LNST đạt 4,464 tỷ đồng (-55% YoY, do loại trừ mảng MNS Feed). Năm 2023, mức doanh thu thuần đạt 85,795 tỷ đồng (+11.9% YoY) và LNST ở mức 5,751 tỷ đồng (+28.8% YoY). Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MSN, giá mục tiêu 118,100 VNĐ/cp, cao hơn 22.9% giá đóng cửa ngày 14/12/2022.

## MUA

**Giá mục tiêu VND118,100**

Tăng/giảm (%)	22.9%
Giá hiện tại (14/12/2022)	96,000
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	136/5.7

### Dữ liệu giao dịch

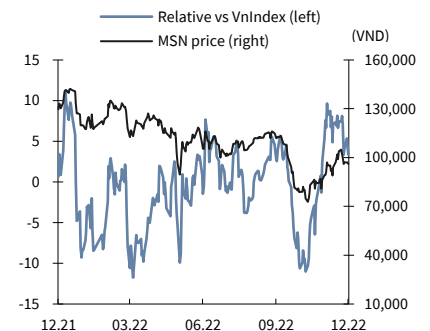
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	40.0%
GDTB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	174.7/7.4
Sở hữu nước ngoài	28.78%
Cổ đông lớn	Công ty Cổ phần Masan (31.23%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1	-11	-12	-25
Tương đối	-9	0	0	3

### Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	77,218	88,629	76,636	85,795
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	1,196	11,273	5,638	7,264
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	1,395	10,101	4,464	5,751
EPS (VNĐ)	1,054	7,269	3,135	4,039
Tăng trưởng EPS (%)	-77.8	+58.9	-56.8	+28
P/E (x)	84.3	23.5	36.4	28.2
P/B (x)	7.4	8.4	3.3	3.4
ROE (%)	9	41	19	23
Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%)	0	1.05	0	0



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm tích cực đầu phiên, VNIndex diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen trong biên độ hẹp.
- Áp lực bán gia tăng khiến cho chỉ số một lần nữa vượt ngưỡng cản gần quanh 1060 bất thành. Về tổng thể, VNIndex tiếp tục có một phiên đi ngang không mang nhiều ý nghĩa về mặt xu hướng nhưng rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 1020 vẫn đang có phần lấn át.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ kê lệnh mua giá thấp khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ sâu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1095 - 1100

Kháng cự gần: 1084 - 1088

Hỗ trợ gần: 1048 - 1053

Hỗ trợ xa: 1025 - 1030

- Sau nhịp tăng điểm tích cực đầu phiên, F1 diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen trong biên độ hẹp.
- Áp lực bán gia tăng khiến cho chỉ số vượt ngưỡng cản gần quanh 106x bất thành. Về tổng thể, F1 tiếp tục đi ngang không mang nhiều ý nghĩa về mặt xu hướng nhưng rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 102x vẫn đang có phần lấn át.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở một phần vị thế SHORT quanh các ngưỡng kháng cự nhưng đặt STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

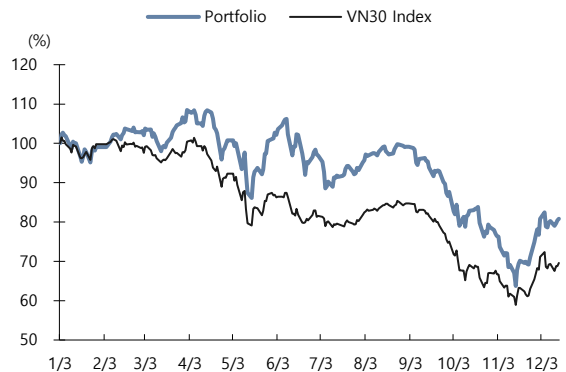
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.13%	0.53%
Tăng lũy kế (YTD)	-30.45%	-19.19%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/12/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	47,000	1.2%	21.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	14,900	0.7%	-47.7%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	113,000	0.0%	47.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	119,900	1.4%	-37.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	77,200	-0.8%	161.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	77,700	1.8%	220.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	28,250	1.3%	49.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	106,300	-1.1%	44.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	19,350	0.8%	73.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	22,800	0.0%	121.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	1.9%	19.6%	88.1
DXG	6.7%	26.7%	46.1
HPG	0.8%	21.2%	40.6
CTG	1.3%	27.7%	39.4
HCM	3.8%	41.4%	39.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.1%	56.1%	-114.7
GAS	-1.1%	3.0%	-34.8
EIB	2.9%	23.8%	-5.9
HDB	1.8%	18.0%	-22.6
STB	0.0%	26.7%	-51.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVI	1.1%	59.1%	3.6
CEO	1.8%	0.5%	1.6
SHS	1.1%	5.8%	1.5
PVC	2.3%	0.5%	1.4
IDC	0.0%	0.6%	0.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.4%	18.4%	-18.4
TNG	-2.0%	7.3%	-2.0
THD	-1.6%	1.2%	-0.8
MBS	0.7%	0.7%	-0.1
SCG	-0.6%	0.0%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	15.8%	EVF, OGC
Thương mại & phân phối	13.2%	VPG, TSC, BTT, TNA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	8.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Xây dựng và kỹ thuật	7.5%	DIG, HDG, VCG, PC1
Bao bì & đóng gói	7.1%	TDP, SVI, MCP, TPC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-8.1%	VHM, VIC, NVL, BCM
Vận tải hàng không & Logistics	-1.6%	TMS, SCS, STG, ASG
Thực phẩm	-0.9%	VNM, MSN, KDC, VHC
Thiết bị điện	-0.9%	GEX, SAM, CAV, RAL
Dược	-0.8%	DHG, IMP, TRA, DBD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	57.5%	HPG, HSG, NKG, KSB
Chứng khoán	42.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Xây dựng và kỹ thuật	41.3%	DIG, HDG, VCG, PC1
Sản phẩm xây dựng	37.1%	VGC, BMP, SHI, DAG
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	32.3%	PVD, PVT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-8.0%	SAB, BHN, SMB, SCD
Tiện ích khí	-6.6%	GAS, PGD, PMG
Giấy & lâm sản	-5.1%	DHC, HAP, HHP, VID
Vận tải hàng không & Logistics	-3.1%	TMS, SCS, STG, ASG
Hàng hải	2.1%	VSC, VOS, SKG, VTO

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	193,386 (8.0)	22.5	43.6	52.4	14.7	3.7	4.2	2.2	2.1	-0.3	13.3	6.3	-36.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	207,020 (8.5)	26.6	6.9	5.9	35.9	22.3	21.4	1.4	1.2	-4.3	-8.5	16.8	-38.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	69,686 (2.9)	17.8	25.3	17.5	-7.6	7.8	10.6	2.0	1.8	-0.2	-3.0	11.8	-7.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	748,564 (30.7)	31.3	6.0	4.4	6.7	10.8	13.1	0.6	0.4	-3.2	0.0	50.6	-80.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	94,824 (3.9)	11.6	17.0	15.1	13.7	11.1	11.4	1.7	1.6	0.7	-6.9	45.4	-39.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	235,095 (9.7)	13.9	10.9	12.6	-	8.3	6.4	0.7	0.7	6.7	7.9	77.0	-56.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	119,685 (4.9)	6.3	13.7	11.9	11.7	21.1	19.0	2.8	2.3	0.9	3.2	6.0	0.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	72,763 (3.0)	12.7	12.5	9.7	-5.3	18.1	18.8	2.0	1.6	0.5	0.0	16.8	5.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	210,439 (8.7)	0.0	4.9	4.8	14.3	20.8	17.5	0.9	0.8	2.4	4.6	42.5	-41.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	197,241 (8.1)	1.4	8.6	7.8	50.3	16.3	17.6	1.3	1.2	1.3	1.6	20.7	-16.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	375,869 (15.5)	0.0	6.4	7.1	18.8	21.3	16.1	1.2	1.0	6.7	7.1	24.2	-23.7
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	254,860 (10.5)	0.0	4.9	4.2	14.6	24.9	22.9	1.1	0.8	4.4	4.7	33.9	-21.3
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	44,450 (1.8)	4.2	5.3	4.9	23.3	23.2	20.7	1.1	0.9	1.8	1.5	19.6	-32.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	543,465 (22.3)	14.0	-	-	26.5	13.5	16.6	1.1	1.0	0.0	7.1	54.0	-26.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	199,436 (8.2)	0.0	7.2	6.8	37.4	20.5	18.1	1.2	1.0	0.9	4.5	15.6	-44.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	135,088 (5.5)	0.2	-	-	27.3	17.7	14.6	-	-	2.9	34.3	33.7	-16.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	42,542 (1.7)	21.0	-	-	15.8	-	-	-	-	-0.5	2.1	11.7	-11.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,406 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.7	3.6	30.3	-50.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	477,892 (19.6)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	0.7	-1.5	45.7	-58.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	214,647 (8.8)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	2.8	-0.4	53.1	-51.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	173,957 (7.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	3.8	3.8	52.3	-48.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	456,634 (18.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	1.9	3.9	60.6	-52.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	189,001 (7.8)	42.1	19.3	17.1	4.0	26.5	29.7	4.8	4.7	0.1	-4.2	0.8	-10.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	40,171 (1.7)	36.9	22.1	19.9	7.3	23.5	22.8	4.7	4.2	0.0	0.6	-4.0	18.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	115,540 (4.7)	16.5	31.3	23.8	-51.9	11.1	14.4	3.7	3.5	2.3	2.3	9.8	-31.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	31,020 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.8	1.7	29.0	-60.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	45,594 (1.9)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	0.6	5.5	10.9	-12.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	26,325 (1.1)	10.8	15.7	16.1	-57.0	13.7	13.2	2.1	2.0	0.2	-1.5	22.0	0.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	78,661 (3.2)	38.4	4.4	21.7	65.7	16.0	3.0	0.7	0.7	1.0	5.0	35.8	-68.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	233,542 (9.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.0	-1.3	36.8	-61.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	17,381 (0.7)	3.6	-	17.1	-52.4	-0.8	2.0	0.3	-	-3.5	11.7	52.0	-65.0
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	31,481 (1.3)	0.0	10.6	10.8	-4.5	17.0	15.4	1.8	1.6	-0.8	-0.3	21.0	28.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	43,099 (1.8)	46.1	14.2	14.7	-17.5	25.1	21.8	3.4	3.1	-1.1	0.3	-4.7	10.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,907 (0.8)	31.4	9.6	8.5	-10.5	19.8	19.9	-	-	0.9	4.3	31.2	6.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,263 (0.1)	34.1	14.9	7.6	-5.1	6.2	11.7	-	-	0.0	1.1	20.1	-44.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	716,995 (29.4)	18.0	12.0	10.1	21.9	10.6	12.0	1.2	1.1	0.8	2.4	54.8	-45.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	84,437 (3.5)	36.5	3.6	5.4	-0.5	38.3	23.7	1.3	1.2	0.0	2.2	27.4	-12.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	112,490 (4.6)	46.5	4.0	6.6	-4.5	45.7	22.8	1.6	1.4	-1.2	-0.8	18.2	-20.4
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	161,733 (6.7)	38.9	9.6	6.2	67.9	7.0	10.0	0.6	0.6	0.0	2.0	72.1	-59.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	25,413 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.1	5.0	35.9	-61.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	32,336 (1.3)	4.6	65.6	14.2	-51.0	4.9	10.5	1.6	1.6	-0.3	4.9	26.8	-42.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	119,914 (4.9)	39.9	-	23.2	-11.9	-1.2	1.9	0.8	0.8	0.0	4.1	38.8	-21.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	40,772 (1.7)	35.9	8.8	8.4	2.2	14.7	14.5	1.2	1.1	1.0	7.6	46.2	-12.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	160,889 (6.6)	0.0	14.6	12.1	14.4	21.3	21.1	2.9	2.5	1.2	2.2	24.2	-30.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	26,573 (1.1)	0.0	15.7	13.7	2.4	25.2	22.4	3.3	2.7	0.0	1.8	20.1	17.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,009 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.2	-	59.4	-56.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	85,110 (3.5)	30.3	19.9	17.3	-75.2	24.7	23.1	4.4	3.6	0.5	2.7	25.3	12.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,432 (1.4)	34.6	7.4	8.6	41.2	28.7	22.5	1.9	1.8	0.1	2.8	41.8	-34.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,077 (0.0)	45.4	12.1	11.4	10.7	22.0	21.1	2.7	2.4	0.0	-0.5	7.0	-24.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	100,967 (4.1)	0.0	15.7	13.5	15.5	27.3	27.8	3.9	3.3	1.8	0.9	17.9	0.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)  
Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.